TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐAN PHƯỢNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 18 - 9 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Lao.

Ông Tạ Văn Nhật.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 159/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2018 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2018/QĐXX-ST ngày 14 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1975; địa chỉ: Cụm 3, xã LT, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Đình T1, sinh năm 1970; địa chỉ: Cụm 3, xã LT, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày*:* Chị kết hôn với anh Nguyễn Đình T1 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã LT, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội ngày 31/12/1993. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Do chị phát hiện anh T1 bị nghiện ma túy, ngoài ra anh còn thường xuyên đi đánh bạc. Chị và gia đình đã khuyên bảo anh nhiều lần nhưng anh không thay đổi. Năm 2014 anh T1 đi cai nghiện bắt buộc tại huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội. Đến tháng 03/2018 hết hạn cai nghiện trở về địa phương nhưng tính tình anh không thay đổi. Anh vẫn còn sử dụng ma túy và thường xuyên đánh chị nhiều hơn. Chị đã phải đi thuê nhà chỗ khác để ở, vợ chồng sống ly thân

nhau. Xác định tình cảm giữa chị và anh T1 không còn, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T1.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 15/02/1995 và cháu Nguyễn Đình H1, sinh ngày 07/01/1999. Hiện nay cháu H đã kết hôn, sống tại gia đình chồng; cháu H1 có công việc ổn định, đang ở với anh T1. Các cháu đều đã trưởng thành, ly hôn không phải giải quyết.

- Về tài sản chung*:* Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ chung, công sức*:* Chị xác định vợ chồng không có nợ chung, không có công sức.

* Bị đơn anh Nguyễn Đình T1 hiện đang sinh sống, cư trú tại địa phương, đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo Điều 177, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh T1 đều không đến Tòa án làm việc, vắng mặt tất cả các lần Tòa án báo gọi. Vì vậy, anh T1 không có bản tự khai, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

- Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị T giữ nguyên yêu cầu được ly hôn anh T1, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu của chị. Anh Nguyễn Đình T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đình T1 là hợp pháp. Xuất phát từ việc anh T1 nghiện ma túy, anh T1 phải đi cai nghiện bắt buộc 04 năm, vợ chồng sống ly thân với nhau thời gian dài, tình cảm giữa chị T và anh T1 không còn, yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ. Vì vậy, sẽ áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận chị T được ly hôn anh T1. Vợ chồng chị T, anh T1 có 02 con chung. Cả 02 cháu đều đã đủ 18 tuổi, trưởng thành, không mất năng lực hành vi dân sự nên không phải giải quyết. Về tài sản chung, công sức, nợ chung không có nên không phải xem xét giải quyết. Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T có đơn xin ly hôn với anh Nguyễn Đình T1 có nơi cư trú: Cụm 3, xã LT, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội là quan hệ tranh chấp về ly hôn, tranh chấp nuôi con nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ trình tự tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên do anh Nguyễn Đình T1 không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được. Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đình T1 trên cơ sở kết hôn tự nguyện, đăng ký vào ngày 31/12/1993 tại Ủy ban nhân dân xã LT, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội nên được xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.1]. Căn cứ vào lời trình bày của đương sự, cũng như các tài liệu điều tra thể hiện: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T, anh T1 xảy ra đã lâu. Nguyên nhân từ việc anh T1 nghiện ma túy. Năm 2014 anh T1 đi cai nghiện bắt buộc theo Quyết định của UBND huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội. Đến tháng 03/2018 anh T1 trở về địa phương, nhưng tình cảm giữa anh T1, chị T không cải thiện, chị T đã thuê nhà trọ để ở, vợ chồng sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, anh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh không đến làm việc, không có bản trình bày về quan điểm ly hôn, không đến hòa giải. Như vậy, thể hiện anh T1 cũng không mong muốn vợ chồng chung sống với nhau, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững. Hội đồng xét xử thấy, yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh T1 là chính đáng. Tình cảm của chị T đối với anh T1 không còn, vợ chồng không chung sống cùng nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Đình T1.

[2.2]. Về con chung: Chị T, anh T1 có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 15/02/1995 và cháu Nguyễn Đình H1, sinh ngày 07/01/1999. Cháu H đã kết hôn, hiện đang sinh sống tại gia đình nhà chồng. Cháu H1 đã thành niên, không mất năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.3]. Tài sản chung, nợ: Chị T xác định không có tài sản chung, vợ chồng không nợ ai. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền lợi cho anh T1, Tòa án chưa giải quyết phần tài sản chung trong vụ án này. Nếu sau này chị T, anh T1 có tranh chấp tài sản chung với nhau sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T.

- Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Đình T1.

- Về con chung: Cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 15/02/1995 và cháu Nguyễn Đình H1, sinh ngày 07/01/1999 đều đã thành niên, không mất năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động, nên không phải giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010058 ngày 06/07/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

3. Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn là anh Nguyễn Đình T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đan Phượng, TP Hà Nội;
- Chi cục THAD huyện Đan Phượng, TP Hà Nội;
- TAND Thành phố Hà Nội;
- UBND xã LT, huyện Đan Phượng, TP Hà Nội;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Hòa

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN *THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA*